TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Lương Khoa

Ông Hồ Văn Tài

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 690/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hửu T, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Tổ 25, khu phố Ruộng Lớn, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Chị Bùi Ngọc Phương T1, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Hửu T trình bày: anh và chị Bùi Ngọc Phương T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không

hợp nhau về cách sống dẫn đến thường xuyên cãi vã khiến không khí gia đình căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay, anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa, không liên lạc và không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Ngọc Phương T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 9; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, anh T được ly hôn với chị T1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hửu T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Bùi Ngọc Phương T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T1 nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T1 có nơi cư trú tại ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị

T1, nên xác định anh T là nguyên đơn, chị T1 là bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Anh T khai cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về cách sống dẫn đến thường xuyên cãi vã khiến không khí gia đình căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay, anh chị đã không còn chung sống với nhau nữa, không liên lạc và không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/11/2024 (bút lục số 22) thể hiện: quá trình chung sống anh T và chị T1 xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì ban ấp không biết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T1 đến tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị T1 vắng mặt không có lý do cho thấy chị T1 có thái độ thờ ơ, không muốn hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh T và chị T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Anh T và chị T1 không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết. Chị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh T trình bày anh chị không có nợ chung. Chị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[8] Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hửu T.

1. Chấp nhận cho anh Nguyễn Hửu T được ly hôn với chị Bùi Ngọc Phương T1.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 70/2020 ngày 11 tháng 8 năm 2020 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hửu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Hửu T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011526 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Anh Nguyễn Hửu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh Hương